TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 29/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Luân- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1176/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07/5/2020, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm 1983; thường trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T; tạm trú: Số nhà 15 đường A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982; thường trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T; tạm trú: Số nhà 15 đường A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Lê Văn Đ sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T vào ngày 19/4/2004 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh từ việc anh Đ sống không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp chị B các chi phí sinh hoạt để chăm sóc các con. Thời gian đầu mới phát

sinh mâu thuẫn, chị B đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh Đ để vợ chồng đoàn tụ cùng lo cuộc sống chung nhưng anh Đ không thay đổi. Anh Đ là người nóng tính, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thường đập phá đồ đạc trong nhà, gây tâm lý hoang mang, sợ sệt cho các con. Từ tháng 5/2019 đến nay chị B đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 27/3/2005; Lê Văn B1, sinh ngày 24/5/2009 và Lê Thị L, sinh ngày 16/9/2012. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị B nên khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Lê Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Đ: Quá trình tố tụng, anh Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/3/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 29/5/2020, tuy nhiên anh Đ vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố Dĩ An thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường T không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị B và anh Lê Văn Đ. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

- Kết quả xác minh tại Công an phường T thể hiện: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Số nhà 15 đường A, khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, chị B và anh Đ có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, anh Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị B và anh Đ là trầm trọng, chị B có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị B có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung đang chung sống với chị B, tại bản tự khai các cháu cũng có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Anh Đ vắng mặt, không trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con và việc cấp dưỡng nên yêu cầu của chị B về vấn đề nuôi dưỡng

con chung là có căn cứ. Chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chị Vũ Thị B khởi kiện anh Lê Văn Đ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường T thể hiện: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Số nhà 15 đường A, khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chị B xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của anh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp anh Lê Văn Đ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 29/5/2020 nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Ngày 25/3/2020 nguyên đơn chị Vũ Thị B nộp đơn từ chối hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị B, anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T vào ngày 19/4/2004 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị B xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Lê Văn Đ đến làm việc nhưng anh Đ đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh Đ cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị B nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị B và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị B yêu cầu được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn Đ có 03 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 27/3/2005; Lê Văn B1, sinh ngày 24/5/2009 và Lê Thị L, sinh ngày 16/9/2012. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị B nên khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Đ vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của chị B đồng thời tại bản tự khai ngày 02/02/2020, cháu H, cháu B1 và cháu L cũng có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cần giao con chung tên Lê Thị H; Lê Văn B1 và Lê Thị L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, chị Vũ Thị B xác định chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận sự tự

nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Thị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Lê Văn Đ (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T vào ngày 19/4/2004).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 27/3/2005; Lê Văn B1, sinh ngày 24/5/2009 và Lê Thị L, sinh ngày 16/9/2012 cho chị Vũ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị B về việc không yêu cầu anh Lê Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị B và anh Lê Văn Đ đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Văn Đ lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Vũ Thị B nuôi con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0039796 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã T, huyện N, tỉnh T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm